TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

Ths. Trần Hoài Nam
Tổng Công ty Tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam
Email: namth@pvfc.com.vn
TS. Trần Khánh Hưng
Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: hungtk@neu.edu.vn

Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam tiến hành đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Đây là vấn đề mới với hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam gắn với tiến trình đổi mới kinh tế của đất nước. Thời gian qua, hoạt động đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài đã thu được một số kết quả và góp phần làm tăng vị thế của kinh tế Việt Nam trong quan hệ kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, với phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam, bản lĩnh và kinh nghiệm đầu tư kinh doanh ở nước ngoài còn nhiều hạn chế. Do vậy, để thành công trong hoạt động kinh doanh ở nước ngoài, bên cạnh sự nỗ lực của bản thân doanh nghiệp rất cần sự hỗ trợ từ phía Nhà nước. Bài viết này nhằm mục tiêu làm rõ sự cần thiết của việc hỗ trợ của Nhà nước và một số giải pháp tăng cường vai trò của Nhà nước hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

Từ khoá: Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, nhà nước, Việt Nam

1. Thực trạng hỗ trợ của nhà nước cho các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài

Hoạt động đầu tư quốc tế ngày càng phát triển mạnh mẽ trong vài thập kỷ trở lại đây và thực sự trở thành một đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường hiện đại. Tham gia vào hoạt động đầu tư quốc tế chủ yếu là các nước phát triển với lợi thế về tiềm lực tài chính mạnh, năng lực khoa học công nghệ hiện đại, trình độ quản lý kinh doanh tiên tiến và hiệu quả. Tuy nhiên, sự tham gia của các nước đang phát triển với tư cách là chủ đầu tư sẽ góp phần làm đa dạng và phong phú thêm hoạt động đầu tư quốc tế.

Với Việt Nam, hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp đã bắt đầu từ năm 1989 nhưng phần lớn chỉ là những hoạt động tự phát, trên cơ sở thoả thuận, hợp tác với các đối tác nước ngoài. Trong số các doanh nghiệp đi tiên phong trong đầu tư ra nước ngoài có một số doanh nghiệp tư nhân của một số địa phương tại vùng biên giới với một số nước láng giềng (Lào, Campuchia) thực hiện dự án đầu tư tại nước bạn theo thỏa thuận hợp tác song phương giữa chính quyền địa phương hai nước. Bước sang đầu thế kỷ XXI, một số tập đoàn kinh tế lớn của Việt Nam như Viettel, Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, Tập đoàn Than khoáng sản,… đã có một số dự án đầu tư ở các khu vực trên thế giới thuộc Trung Đông, Bắc Phi, Mỹ Latinh, Nga và Đông Âu. Tính đến tháng 9 năm 2012, Việt Nam có 736 dự án của các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở 59 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có cả một số nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản,… với vốn đăng ký đạt khoảng 15,044 tỷ USD.

Nhìn chung, hoạt động đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài bước đầu đã đem lại một số kết quả, góp phần khai thác lợi thế cạnh tranh của các nước khác để bổ sung, hỗ trợ sự phát triển kinh tế trong nước, nâng cao vị thế kinh tế của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, đầu tư trực tiếp ra nước ngoài là vấn đề mới với doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp Việt Nam thường gặp nhiều khó khăn trong cạnh tranh

Bảng 1: Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam

(Luỹ kế đến tháng 9 năm 2012)

STT	Nước tiếp nhận	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)
1	Lào	221	3.799,90
2	Campuchia	123	2.566,42
3	Mỹ	92	305,71
4	Xingapo	46	86,863
5	Hàn Quốc	20	8,49
6	Liên bang Nga	16	1.709
7	Nhật Bản	16	3,52
8	Australia	11	108,18
9	Malaixia	10	469,28
10	Hồng Kông	9	12,70
11	57 nước khác	154	3.982,3
	Tổng cộng	736	15.043,64

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và đầu tư

với các nhà đầu tư đến từ các nước khác trong hoạt động kinh doanh ở nước tiếp nhận vốn đầu tư. Bản thân các doanh nghiệp cũng bộc lộ không ít hạn chế thể hiện trên các mặt: năng lực cạnh tranh, tiềm lực tài chính, trình độ quản lý, kinh nghiệm hoạt động trong môi trường kinh doanh quốc tế.

Thực tế, môi trường đầu tư quốc tế là tổng thể các yếu tố, điều kiện và chính sách của nước tiếp nhận đầu tư chi phối đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Môi trường đầu tư ở nước tiếp nhận đầu tư được cấu thành bởi 3 nhóm nhân tố, đó là: a) Khung chính sách về FDI. Trong nhóm này, những vấn đề liên quan đến quy định về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp FDI, chính sách cạnh tranh, chính sách thương mại, chính sách thuế…; b) Nhóm nhân tố kinh tế bao gồm các yếu tố liên quan đến thị trường, nguồn tài nguyên, lao động, chi phí kinh doanh … - những yếu tố thuộc về lợi thế so sánh của nước nhận đầu tư và đồng thời cũng là các yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến hiệu quả đầu tư; c) Nhóm nhân tố hỗ trợ kinh doanh bao gồm các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các nhà đầu tư nước ngoài, các dịch vụ cung cấp cho các nhà đầu tư nước ngoài… Đây là những nhân tố chủ yếu tác động đến việc ra quyết định đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài và cũng là những thông tin mà bất cứ một nhà đầu tư nào trước khi ra quyết định đầu tư đều muốn nắm rõ. Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ không phải doanh nghiệp nào cũng có đủ khả năng về tài chính, nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để thu thập đầy đủ các thông tin về môi trường đầu tư ở nước tiếp nhận đầu tư. Thực tế cho thấy, trong nhiều trường hợp, do thiếu thông tin hoặc do tìm hiểu không kỹ về môi trường đầu tư ở nước ngoài mà doanh nghiệp đã phải ngừng thực hiện dự án, hoặc thực hiện dự án chậm so với kế hoạch đề ra, hoặc vướng phải những vấn đề tranh chấp với bên nước nhận đầu tư...

Với Việt Nam, chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, nhiều doanh nghiệp đầu tư trực tiếp ra nước ngoài không dễ dàng tiếp cận với môi trường kinh doanh quốc tế. Điều đó không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả trong đầu tư kinh doanh mà còn không tránh khỏi những rủi ro và thua thiệt cho doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh quốc tế ở nước tiếp nhận đầu tư. Thời gian qua, để tháo gỡ những khó khăn và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài, Nhà nước đã chính thức khẳng định chủ trương khuyến khích, hỗ trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. Hành lang pháp lý đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh

Bảng 2: Môi trường đầu tư – nước tiếp nhận đầu tư

MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ	NHÓM NHÂN TỐ KINH TẾ CHỦ YẾU
I. Khung chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) • Tình hình kinh tế, chính trị và xã hội ổn định • Quy định liên quan đến thành lập và hoạt động • Chính sách đối với chức năng và cấu trúc thị trường (chính sách cạnh tranh và sáp nhập doanh nghiệp) • Gia nhập các điều ước quốc tế về FDI • Chính sách tư nhân hoá • Chính sách thương mại (thuế quan và phi thuế quan) • Chính sách thuế **II. Nhóm nhân tố kinh tế** **III. Nhóm nhân tố hỗ trợ kinh doanh** • Xúc tiến đầu tư • Biện pháp khuyến khích đầu tư • Chống tham nhũng và nâng cao hiệu quả quản lý hành chính • Có dịch vụ giải trí cho người nước ngoài • Dịch vụ sau đầu tư	**A. Thị trường** • Dung lượng thị trường và thu nhập bình quân đầu người • Tăng trưởng thị trường • Khả năng tiếp cận thị trường thế giới và khu vực • Sở thích của người tiêu dùng • Cấu trúc thị trường **B. Tài nguyên/tài sản** • Nguyên nhiên vật liệu sản xuất • Chi phí nhân công thấp • Trình độ lao động cao • Thừa nhận và bảo hộ tài sản công nghệ, thương hiệu • Cơ sở hạ tầng (cảng, đường, điện, viễn thông) **C. Hiệu quả** • Chi phí đầu vào (vận chuyển, viễn thông) và chi phí của hàng hoá trung gian • Gia nhập các Hiệp định khu vực và thế giới để thiết lập mạng lưới hợp tác

Nguồn: UNTAD, WIR 1998, tr. (dẫn theo Nguyễn Văn Tuấn (2005), Đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển kinh tế ở Việt Nam, NXB Tư pháp, tr. 99)

nghiệp Việt Nam dần được hoàn thiện. Luật Đầu tư (năm 2005), Nghị định 78/2006/NĐ-CP của Chính phủ thay thế Nghị định số 22/1999/NĐ-CP, Quyết định số 1175/2007/QĐ-BKH ngày 10/10/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư… đã khắc phục những nội dung bất cập được quy định trong các văn bản pháp luật được ban hành trước đó. Năm 2009, Chính phủ đã phê duyệt Đề án "Thúc đẩy đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài"... Các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam như công tác cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, công tác thẩm tra cấp phép cho các dự án đầu tư ra nước ngoài đã được cải thiện đáng kể.

Đồng thời, Nhà nước cũng đã có một số chính sách hỗ trợ đối với các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. Hoạt động xúc tiến đầu tư ra nước ngoài được chú trọng và được cải thiện về nội dung, hình thức thực hiện. Đặc biệt với Lào – thị trường đầu tư lớn nhất của các doanh nghiệp Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam đã phối hợp với phía Lào tổ chức nhiều

hội nghị, các cuộc toạ đàm về hợp tác đầu tư như Hội nghị hợp tác đầu tư Việt Nam – Lào (9/2011), Hội nghị xúc tiến đầu tư vào các tỉnh Trung và Nam Lào (2/2012), Tọa đàm Hợp tác đầu tư Việt Nam – Lào (5/2012)… Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư của Việt Nam cũng thường xuyên giới thiệu các tập đoàn, doanh nghiệp của Việt Nam có tiềm lực về tài chính, có năng lực và kinh nghiệm triển khai thực hiện các dự án đầu tư quy mô lớn trong một số ngành, lĩnh vực quan trọng như thăm dò và khai thác, chế biến khoáng sản, trồng cây công nghiệp... để các cơ quan của nhà nước Lào xem xét, tạo điều kiện cho các tập đoàn, doanh nghiệp của Việt Nam xúc tiến tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như chuẩn bị các điều kiện để tiến hành các thủ tục đầu tư. Trong thực tế, nhiều dự án đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài là kết quả của việc thực hiện hiệp định hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và chính phủ nước tiếp nhận đầu tư, thực hiện những thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực đầu tư, các biên bản ghi nhớ được ký kết giữa các cơ quan nhà nước của nước tiếp nhận đầu tư với các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý đầu tư Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư thông qua nhiều hoạt động như: tuyên truyền, phổ biến cho các doanh nghiệp về việc nắm bắt và thực hiện chính sách pháp luật đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và pháp luật về đầu tư của nước tiếp nhận đầu tư; thiết lập được đầu mối phối hợp trao đổi thông tin thường xuyên, rà soát tình hình đầu tư giữa hai nước... Mối liên hệ giữa cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài với các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài từng bước chặt chẽ hơn.

Mặc dù vậy, nhìn một cách toàn diện thì thể chế chính sách về đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam thường đi chậm so với thực tế, sự hỗ trợ của nhà nước đối với các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài thời gian qua còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ từ chủ trương, chính sách đến các biện pháp cụ thể. Thực tế, cơ chế hỗ trợ về thủ tục pháp lý, thủ tục chuyển vốn và tài sản khi đầu tư ra nước ngoài còn một số bất cập; công tác xúc tiến đầu tư ra nước ngoài chưa mang lại hiệu quả và đặc biệt là việc hỗ trợ cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài. Hầu như các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đều phải tự tìm hiểu thông tin về môi trường đầu tư, về pháp luật, cơ hội đầu tư ở các nước đó, tốn kém kinh phí lớn nhưng thường không đầy đủ.

Khi Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào đời sống kinh tế quốc tế, với những lợi thế sẵn có, hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam sẽ tăng lên. Điều đó cho thấy, một trong những nhân tố có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là tăng cường sự hỗ trợ của nhà nước với doanh nghiệp khi đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

2. Giải pháp tăng cường hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp Việt Nam trong hoat động đầu tư ra nước ngoài

Một là, Nhà nước cần sớm xây dựng chiến lược đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách về đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam.

Việc sớm xây dựng chiến lược đầu tư ra nước ngoài một mặt sẽ có tác dụng định hướng cho hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam, mặt khác tạo căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các nhà đầu tư Việt Nam trong hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Nội dung hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách về đầu tư ra nước ngoài cần theo hướng đơn giản hơn về quy trình, thủ tục; đồng bộ về mặt pháp luật; rút ngắn về thời gian nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có nhu cầu và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài và triển khai thực hiện các dự án đầu tư ở nước ngoài.

Hai là, tăng cường các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài

- Nhà nước cần xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, nhất là các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng đối với các doanh nghiệp thực hiện những dự án có tầm ảnh hưởng lớn đối với nước tiếp nhận vốn, những dự án có tính khả thi cao, những dự án khai thác nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất trong nước, những dự án nằm trong khuôn khổ các hiệp định về đầu tư đã ký kết giữa các cơ quan Nhà nước Việt Nam và nước ngoài.

- Tăng cường cung cấp, hỗ trợ thông tin cho các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài. Cơ quan quản lý Nhà nước do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cần phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan tổ chức thu thập thông tin về nước tiếp nhận đầu tư, bao gồm các nội dung: Chính sách thu hút đầu tư, các quy định của luật pháp liên quan đến hoạt động đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

nước ngoài; Tiềm năng và cơ hội đầu tư trong một số ngành, lĩnh vực cụ thể; Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài; Các dự án đầu tư cụ thể đã được ký thoả thuận giữa chính phủ Việt Nam và chính phủ nước đó. Những thông tin thu thập được có thể định kỳ hàng năm biên soạn thành sách cung cấp cho các doanh nghiệp đã và đang có ý định đầu tư ra nước ngoài

- Thành lập các tổ chức hỗ trợ cho doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động đầu tư ở nước ngoài. Nhà nước cần xây dựng cơ chế khuyến khích và hỗ trợ thành lập các hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài, ở từng nước và từng khu vực. Các hiệp hội cần chủ động và tích cực hoạt động với mục đích tôn chỉ là bảo vệ quyền lợi và giúp đỡ các doanh nghiệp Việt Nam giải quyết những vướng mắc trong cả quá trình sản xuất kinh doanh ở nước ngoài. Hiệp hội cần trở thành cầu nối giữa chính phủ Việt Nam cũng như chính phủ các nước nhận đầu tư với doanh nghiệp và là tổ chức xúc tiến đầu tư có hiệu quả nhất.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư ra nước ngoài, trước hết tập trung vào các lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế so sánh. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần thường xuyên, định kỳ tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư ở nước ngoài; ký thỏa thuận hợp tác xúc tiến đầu tư với các nước, đặc biệt là một số thị trường có tiềm năng của Việt Nam. Các cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài cần chú trọng tăng cường hoạt động ngoại giao để hỗ trợ có hiệu quả cho các nhà đầu tư Việt Nam ở nước ngoài.

- Nhà nước cần có các biện pháp thiết thực nhằm khuyến khích phát triển đồng bộ các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến dịch vụ cung cấp thông tin về triển vọng phát triển của thị trường nước ngoài, các thông tin về đối tác kinh doanh, các cơ hội kinh doanh…

- Tăng cường đối thoại, trao đổi thông tin trên nhiều cấp độ với cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài ở các nước có dự án đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam nhằm ghi nhận những phản ánh từ phía các cơ quan quản lý của nước tiếp nhận đầu tư về những tồn tại của nhà đầu tư Việt Nam, đồng thời, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở Việt Nam và ở nước tiếp nhận đầu tư nhằm tháo gỡ những khó khăn và xử lý những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện dự án đầu tư của các nhà đầu tư Việt Nam.

- Thành lập Quỹ hỗ trợ đầu tư ra nước ngoài với mục đích chủ yếu là hỗ trợ tài chính cho các dự án ở nước ngoài và bảo đảm lợi ích, bảo vệ các doanh nghiệp chống lại rủi ro về mặt chính trị và các loại rủi ro khác mà các doanh nghiệp Việt Nam khi đầu tư ra nước ngoài có thể gặp phải.

Ba là, mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Các cơ quan chức năng sớm tiến hành đàm phán và ký kết các hiệp định đầu tư đa phương, khu vực và song phương. Việc ký kết các hiệp định đầu tư đa biên sẽ góp phần quan trọng vào việc tăng cường khả năng bảo vệ các doanh nghiệp và tạo cơ chế pháp lý ổn định giải quyết các tranh chấp có thể nảy sinh khi đầu tư ra nước ngoài. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần quan tâm đến hiệp định đầu tư khu vực bởi mục đích ký kết hiệp định đầu tư khu vực là thúc đẩy dòng lưu chuyển vốn giữa các nước tham gia ký kết và tăng cường thu hút vốn đầu tư quốc tế từ các nước thứ ba vào khu vực.

- Triển khai thực hiện thống nhất có hiệu quả các hiệp định đã ký kết. Điều này đòi hỏi phải nâng cao năng lực của bộ máy quản lý và thực hiện hiệp định, ban hành kịp thời các thông tư hướng dẫn thực hiện hiệp định đã ký kết và tăng cường công tác trao đổi thông tin giữa Việt Nam với các nước ký kết để nâng cao hiệu quả thi hành của hiệp định. Bên cạnh đó, cần tuyên truyền và giáo dục cho các doanh nghiệp hiểu biết về các hiệp định, để doanh nghiệp có cơ hội tận dụng các ưu đãi đã được ký kết.❐

Tài liệu tham khảo:

1. Cục Đầu tư nước ngoài (2012). Tình hình đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài 9 tháng đầu năm 2012. http://fia.mpi.gov.vn/News.aspx?ctl=newsdetail&p=&aID=1243

2. Cục Đầu tư nước ngoài (2012). Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam- Thành công và hạn chế. http://fia.mpi.gov.vn/News.aspx?ctl=newsdetail&p=&aID=1164

3. Trần Hoài Nam (2011). *Đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài - Thực trạng, kinh nghiệm và giải pháp.* Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

4. Nguyễn Văn Tuấn (2005), Đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển kinh tế ở Việt Nam, NXB Tư pháp.